

GIÁ TRỊ LỊCH SỬ, PHÁP LÝ CỦA HIỆP ĐỊNH GIONEVO ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Phạm Văn Hồ

Học viện Chính trị khu vực III

Email: hophamvan@yahoo.com.vn

Ngày nhận bài: 07/08/2024; Ngày nhận đăng: 15/10/2024

Tóm tắt

Hiệp định Gionevơ được ký kết ngày 21-7-1954 là một thắng lợi to lớn, có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với lịch sử dân tộc Việt Nam. Hiệp định Gionevơ là một văn bản có tính pháp lý quốc tế cho một giải pháp đồng bộ về quân sự, chính trị nhằm kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Lần đầu tiên, Chính phủ Pháp và các nước tham gia dự hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản đó là độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; quân đội Pháp phải rút về nước, miền Bắc Việt Nam được hoàn toàn giải phóng.

Ký Hiệp định Gionevơ là tất yếu, thể hiện khát vọng hòa bình, thiện chí muốn kết thúc cuộc chiến bằng giải pháp đàm phán; là một quyết định đúng lúc kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp.

Từ khóa: Hiệp định Gionevơ; giá trị lịch sử, pháp lý; độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; Việt Nam

Historical and legal values of Geneva Agreement for Vietnamese revolution

Pham Van Ho

Academy of Politics Region III

Received: August 07, 2024; Accepted: October 15, 2024

Abstract

Geneva Agreement signed on July 21st, 1954 was a great victory and of extremely important significance to the history of Vietnamese nation. The Geneva Agreement is an international legal document for a synchronous military and political solution for the purpose of ending the war and restoring the peace in Vietnam. This is the first time the French Government and countries participating in the conference had to commit to respecting the basic national rights such as independence, sovereignty, unity and territorial integrity. The French army had to withdraw and the North Vietnam was completely liberated.

Signing the Geneva Agreement is inevitable, showing desires for peace and goodwill to end the war with negotiation solution. It was a timely decision ending the resistance war against the French colonists.

Keywords: Geneva Agreement; historical and legal values; independence, sovereignty, unity and territorial integrity; Vietnam

1. Mở đầu

Hiệp định Gionevơ được ký kết

ngày 21 tháng 7 năm 1954 là một sự kiện lớn không chỉ đối với Việt Nam, mà cả với

thế giới lúc đó. Sau 70 năm nhìn lại (21/7/1954 – 21/7/2024), sự kiện lịch sử lần đầu tiên nền ngoại giao non trẻ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tham gia vào một hội nghị quốc tế trong bối cảnh tình hình thế giới có những diễn biến phức tạp, đặc biệt là sự toan tính của các nước tham dự hội nghị Gionevơ mới thấy hết được những thành quả, giá trị lịch sử, pháp lý mà Đảng và nhân dân ta đã giành được trong quá trình đấu tranh vì nền độc lập dân tộc.

2. Nội dung

2.1. Hiệp định Gionevơ được ký kết về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, đánh dấu sự thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược

Kể từ khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam (1858), các phong trào yêu nước theo các khuynh hướng khác nhau như phong kiến, dân chủ tư sản, tư sản diễn ra liên tục nhưng không thể giành được độc lập. Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, với đường lối đúng đắn, trong 15 năm, chúng ta đã giành thắng lợi, giành chính quyền bằng cuộc cách mạng Tháng Tám năm 1945, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc: *kỷ nguyên độc lập, tự do và đi lên chủ nghĩa xã hội*. Từ đây, trong quan hệ với các nước bên ngoài, Việt Nam giữ vị thế là quốc gia độc lập, có chủ quyền. Song các thế lực đế quốc chẳng những không công nhận nền độc lập Việt Nam, mà ngược lại, còn tìm mọi cách câu kết, thỏa hiệp với nhau để xóa bỏ nền độc lập đó.

Chính quyền cách mạng còn non trẻ đối mặt với thù trong, giặc ngoài. Trước tình hình đó, Đảng ta đã đề ra nhiều chủ trương, biện pháp để bảo vệ nền độc lập. Một trong những biện pháp sáng tạo, đó là ký Hiệp định Sơ bộ ngày 06-03-1946. Thành công của việc ký Hiệp định Sơ bộ

không chỉ cô lập, phân hóa kẻ thù, tránh cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, tìm giải pháp hòa bình có lợi cho cách mạng nước ta, mà còn buộc Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có chính phủ, có nghị viện. Trong bối cảnh ngoại giao rất khó khăn, Hiệp định Sơ bộ - Hiệp định song phương đầu tiên giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký với đại diện chính phủ Pháp là hết sức quan trọng.

Tuy nhiên, với bản chất xâm lược, thực dân Pháp đã từng bước phá bỏ Hiệp định Sơ bộ. Khả năng hòa hoãn không còn, hòa hoãn nữa sẽ dẫn đến họa mất nước. Vì vậy, kể từ đêm 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, cứu nước, bảo vệ độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược, với tinh thần *“thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”*.

Thực hiện đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, với phương châm dựa vào sức mình là chính, ngay sau khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Đảng đã tập trung chỉ đạo chiến đấu giam chân địch trong các đô thị, củng cố các vùng tự do, đặc biệt với chiến thắng ở Việt Bắc Thu Đông năm 1947 đã đánh bại âm mưu “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp, buộc thực dân Pháp chuyển sang đánh lâu dài với ta.

Đầu năm 1950, Trung Quốc, Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân công nhận độc lập và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, giúp đỡ cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Đây là thắng lợi ngoại giao, cũng là thắng lợi chính trị của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Việt Nam không chỉ có sự chi viện về vũ khí, phương tiện chiến tranh của bạn bè quốc tế mà quan trọng là đã phá thế bao vây của địch. Tuy nhiên,

cũng từ thời điểm này xuất hiện những khó khăn mới, khi Mỹ trực tiếp can thiệp vào chiến tranh ở Đông Dương, trực tiếp viện trợ cho Pháp. Đầu năm 1950, các nước lớn đều có dính líu đến cuộc chiến tranh ở Đông Dương. Cuộc chiến tranh Việt Nam nói riêng, Đông Dương nói chung đã bị “quốc tế hóa”, trở thành một bộ phận của chiến tranh lạnh, một tiêu điểm đối đầu giữa hai phe.

Để giành quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính, giải phóng một phần biên giới, mở rộng, củng cố căn cứ địa Việt Bắc và nối thông với các nước XHCN, Đảng ta quyết định mở chiến dịch Biên giới cuối năm 1950. Thắng lợi của chiến dịch Biên giới cuối năm 1950 đã làm phá sản kế hoạch Rove, giáng một đòn nặng nề vào ý chí xâm lược của địch.

Sau chiến dịch Biên giới, các trận thắng lớn liên tiếp trong các chiến dịch Trần Hưng Đạo (Trung du), Chiến dịch Hoàng Hoa Thám (Đường số 18), chiến dịch Quang Trung (Hà Nam Ninh), đặc biệt thắng lợi lớn ở chiến dịch Hòa Bình, Tây Bắc vào những năm 1951-1952, đã tạo ra thế và lực mới cho cách mạng nước ta, đồng thời đẩy thực dân Pháp vào tình thế khó khăn, ngày càng rơi vào thế bị động trên chiến trường.

Bị sa lầy trong cuộc chiến tranh Đông Dương làm cho nội tình nước Pháp rối ren. Nội bộ giới cầm quyền Pháp phân hóa sâu sắc. Phong trào đấu tranh của nhân dân Pháp đòi chấm dứt cuộc chiến tranh ở Đông Dương đã bùng lên mạnh mẽ. Từ mùa hè năm 1953, Chính phủ Pháp đã buộc phải tìm mọi cách đưa nước Pháp thoát khỏi cuộc chiến tranh ở Đông Dương. Giới cầm quyền Pháp xây dựng kế hoạch kết thúc chiến tranh ở Đông Dương với các biện pháp chiến lược, đó là, một mặt, đẩy mạnh hoạt động ngoại giao, thúc đẩy tiếp

xúc đàm phán; mặt khác, dựa hẳn vào Mỹ, xin thêm nhiều viện trợ để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược và thực hiện kế hoạch Nava với nhiệm vụ cải thiện tình hình quân sự để thương lượng trên thế mạnh có lợi cho Pháp. Kế hoạch quân sự Nava với mục đích xoay chuyển cục diện chiến tranh Việt Nam là nằm trong âm mưu và thỏa thuận của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Bước vào chiến cuộc Đông Xuân 1953 - 1954, thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương về tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm diệt một bộ phận lực lượng địch, buộc chúng phải bị động đối phó trên những hướng xung yếu, quân và dân ta đã tiến công lên Tây Bắc, Trung Lào, Bắc Tây Nguyên, Thượng Lào.

Trong lúc quân ta tiến công lên Tây Bắc và Trung Lào, ngày 20-11-1953, Pháp đổ quân xuống Điện Biên Phủ, xây dựng nơi đây thành tập đoàn cứ điểm. Ngày 6-12-1953, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Bắt đầu từ đây, toàn bộ lực lượng của chúng ta đều tập trung cho chiến cuộc Đông Xuân và cho Điện Biên Phủ. Đến cuối tháng 1-1954, địch tập trung cố gắng tăng cường lực lượng và trang bị cho Điện Biên Phủ. Trước tình hình đó, Bộ Tổng tư lệnh quyết định thực hiện phương châm “đánh chắc, tiến chắc” thay cho phương châm “đánh nhanh, thắng nhanh” được đề ra trước đó. Ngày 13-03-1954, chiến dịch Điện Biên Phủ bắt đầu. Sau 56 ngày đêm chiến đấu liên tục, quân và dân ta đã tiêu diệt hoàn toàn tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Chiến thắng Điện Biên Phủ đã hoàn toàn đập tan kế hoạch Nava - kế hoạch thể hiện cố gắng quân sự cao nhất, cuối cùng của Pháp, có sự giúp đỡ của Mỹ. Chiến dịch Điện Biên Phủ đã giáng một đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực

dân Pháp, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo điều kiện thuận lợi cho đấu tranh ngoại giao. Trận Điện Biên Phủ đã đánh bại ý chí xâm lược của Pháp, buộc chúng phải kết thúc chiến tranh và rút khỏi Đông Dương, làm thất bại một bước sự can thiệp của Mỹ.

Với những thắng lợi của quân và dân ta trên tất cả các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao, trước hết là mặt trận quân sự, đỉnh cao là chiến thắng của Điện Biên Phủ đã làm cho thực dân Pháp tổn thất nặng nề, buộc thực dân Pháp “không thương lượng hòa bình không được”.

Chưa đầy 24 giờ sau khi quân Pháp thất bại tại tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương khai mạc ngày 8-5-1954. Đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Phó Thủ tướng kiêm Quyền Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn đến hội nghị. Sau hai tháng rưỡi đàm phán (từ ngày 8-5-1954 đến ngày 21-7-1954), Hiệp định Giơnevơ được ký kết. Hiệp định Giơnevơ gồm có ba bản Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam, Lào, Campuchia; bản Tuyên bố cuối cùng và một số văn kiện khác.

Hiệp định đình chỉ chiến sự nêu rõ:

(i) Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình trên toàn cõi Đông Dương; (ii) Các bên tham chiến thực hiện cam kết chuyển quân, chuyển giao khu vực, trao trả tù binh; (iii) Người dân mỗi bên có quyền di cư sang lãnh thổ do bên kia kiểm soát trong thời gian quân đội hai bên đang tập kết; (iv) Cấm đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào Đông Dương; nước ngoài không được đặt căn cứ quân sự tại Đông Dương; (v) Thành lập Ủy ban quốc tế kiểm soát đình chiến Đông Dương gồm Ấn Độ, Ba Lan, Canada do Ấn Độ làm Chủ tịch; (vi) Sông Bến Hải, vĩ tuyến 17 được dùng làm giới tuyến quân sự

tạm thời chia Việt Nam thành hai vùng tập kết quân sự tạm thời; chính quyền và quân đội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tập trung về phía Bắc vĩ tuyến 17; chính quyền và quân đội khối Liên hiệp Pháp tập trung về phía Nam vĩ tuyến 17 (Điều 14 của Hiệp định Giơnevơ, ở Khoản a ghi: “*Trong khi đợi Tổng tuyển cử thống nhất Việt Nam, bên nào có quân đội của mình tập hợp ở vùng nào theo quy định của Hiệp định này thì bên ấy sẽ phụ trách quản lý hành chính ở vùng ấy*”).

Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam, Lào, Campuchia - văn bản pháp lý quốc tế về đình chỉ chiến sự ở Đông Dương đánh dấu sự thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, chấm dứt ách đô hộ kéo dài hàng thế kỷ của thực dân Pháp ở Việt Nam và trên toàn cõi Đông Dương. Hiệp định đã ghi nhận thắng lợi to lớn có tính bước ngoặt trong cuộc đấu tranh kiên cường của nhân dân ta, vì độc lập, tự do của dân tộc. Nội dung cơ bản của Hiệp định đình chỉ chiến sự được ký kết và các bên ra Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị đã xác nhận trên phạm vi quốc tế, sự thất bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn của một thế lực đế quốc hùng mạnh.

2.2. Hiệp định Giơnevơ đã khẳng định các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, đó là độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ

Độc lập dân tộc là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm, là khát vọng của dân tộc Việt Nam. Vì mục tiêu này mà nhân dân ta đã phải đấu tranh trong thời gian rất dài, hy sinh nhiều, đổ máu nhiều nhưng phải đến 1954, các quyền dân tộc cơ bản, đó là độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ bằng mới được thế giới công nhận bằng văn bản pháp lý quốc tế.

So với với Hiệp định Sơ bộ (1946),

những thắng lợi của Việt Nam khi ký Hiệp định Giơnevơ (1954) là vô cùng to lớn. Hiệp định Sơ bộ - Hiệp định song phương, Pháp mới chỉ công nhận Việt Nam là nước tự do và Việt Nam lại phải nhân nhượng đồng ý cho Pháp đưa quân ra miền Bắc. Đến năm 1950, Việt Nam được Trung Quốc, Liên Xô và một loạt nước Đông Âu công nhận nền độc lập có ý nghĩa rất quan trọng, nhưng xét đến cùng cũng chỉ là sự công nhận của các nước trong hệ thống XHCN. Hiệp định Giơnevơ là hiệp định quốc tế, đã buộc Pháp – kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta và các nước lớn công nhận trọn vẹn các quyền dân tộc cơ bản, đó là độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ. Đây là một trong những điểm cơ bản nhất, khẳng định vị trí pháp lí, quyền bình đẳng dân tộc của dân tộc Việt Nam trên chính trường quốc tế; là lần đầu tiên trên mặt trận ngoại giao quốc tế, một hiệp định đã ghi rõ điều thiêng liêng, bất khả xâm phạm về mặt pháp lý ấy của dân tộc Việt Nam. Do đó, Hiệp định Giơnevơ trước hết là thắng lợi của Việt Nam.

Một thắng lợi quan trọng nữa của Việt Nam khi ký Hiệp định Giơnevơ là, tại Hiệp định này đã thông qua giải pháp cả về quân sự, chính trị. Mặc dù trong quá trình đàm phán các nước lớn tham dự chỉ mong muốn đi đến một giải pháp quân sự, ký Hiệp định đình chiến ở Việt Nam, mà không có giải pháp chính trị để chia cắt lâu dài, giống kết quả được ký kết tại Hội nghị Bàn Môn Điếm về chiến tranh Triều Tiên. Tuy vậy, với sự quyết tâm đấu tranh của đoàn Việt Nam, cuối cùng Hiệp định Giơnevơ đã thông qua giải pháp cả về quân sự, chính trị. Về quân sự là đình chỉ chiến tranh; về chính trị quy định 2 miền sẽ tổ chức tổng tuyển cử trong cả nước để thống nhất Tổ quốc. Với kết quả này, Hiệp định Giơnevơ tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc để

tổ cáo, vạch mặt, lên án đế quốc Mỹ can thiệp, khủng bố gây tội ác, phá Hiệp định Giơnevơ, chia cắt lâu dài nước ta. Nếu ngày 21 tháng 7 năm 1954, Tổng thống Mỹ Eisenhower tuyên bố: “Hoa Kỳ không bị các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ ràng buộc” thì đến ngày 27 tháng 01 năm 1973, Hoa Kỳ buộc phải ký Hiệp định Paris ghi rõ: “Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng nền độc lập chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia Việt Nam như Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam năm 1954 đã công nhận” (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 2012, tr.15). Hiệp định Giơnevơ là cơ sở pháp lý để nhân dân Việt Nam đấu tranh, buộc Mỹ ký hiệp định Paris 1973; là lộ trình quan trọng quyết định trong cuộc kháng chiến trường kỳ “đánh cho Mỹ cút”, để hai năm sau đó thực hiện mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Hiệp định Giơnevơ được ký kết, từ vĩ tuyến 17 trở ra Bắc hoàn toàn được giải phóng, là cơ sở để xây dựng một nước Việt Nam, một chế độ xã hội tiến bộ, làm cơ sở vững chắc để tiếp tục đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà. Ký kết hiệp định Giơnevơ, chấm dứt chiến tranh là giải pháp cần thiết, giúp nước ta thoát khỏi nguy cơ lún sâu vào chiến tranh trong điều kiện chưa cho phép và có thời gian để củng cố lực lượng chuyển sang giai đoạn đấu tranh mới.

Tóm lại, Hiệp định Giơnevơ là một văn bản có tính pháp lý quốc tế cho một giải pháp đồng bộ về quân sự, chính trị nhằm kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Hiệp định về cơ bản đã thể hiện được phương hướng, lập trường và mục tiêu cơ bản của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khi bước vào cuộc thương lượng: “Hòa bình, độc lập, thống nhất và dân chủ”.

Đánh giá về kết quả của Hiệp định

Gionevo, trong lời kêu gọi ngày 22 tháng 7 năm 1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Hội nghị Gionevo đã kết thúc. Ngoại giao ta đã thắng lớn: Chính phủ Pháp đã thừa nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và lãnh thổ toàn vẹn của nước ta, thừa nhận quân Pháp sẽ rút khỏi nước ta ...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, tr.229).

Ngày 25/7/1954, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ra Lời kêu gọi gửi tới đồng bào, các chiến sĩ quân đội, cán bộ và nhân viên các ngành, toàn thể đảng viên, khẳng định:

“Những Hiệp định đình chiến ở Việt Nam, Khome và Pathét Lào đã được ký kết ở Hội nghị Gionevo. Tiếng súng đã bắt đầu ngừng nổ ở Đông Dương. Hòa bình ở Đông Dương được lập lại trên cơ sở nước Pháp phải tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và lãnh thổ toàn vẹn của ba nước Việt Nam, Khome, Lào, và sau một thời gian nhất định mỗi nước sẽ thống nhất bằng tổng tuyển cử tự do trong toàn quốc; các nước ngoài không được đặt căn cứ quân sự ở Đông Dương; quân đội Pháp sẽ phải rút khỏi Đông Dương sau một thời hạn sẽ quy định; nước ta và nước Pháp sẽ đặt quan hệ với nhau về kinh tế và văn hóa trên nguyên tắc bình đẳng và hai bên đều có lợi, v.v.

Đạt được Hiệp định nói trên là một thắng lợi vĩ đại của nhân dân và quân đội ta đoàn kết, nhất trí, anh dũng chiến đấu dưới sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch và của Đảng. Đó là kết quả chín năm kháng chiến của đồng bào toàn quốc từ Nam ra Bắc, ở vùng tự do cũng như vùng tạm bị chiếm, của toàn thể quân đội bao gồm quân đội chính quy, bộ đội địa phương, dân quân du kích và của cán bộ, nhân viên các ngành quân, dân, chính, Đảng... Thắng lợi của ta cũng chính là thất bại của chủ nghĩa thực dân xâm lược muốn nô dịch nhân dân Đông Dương; thất bại của đế quốc Mỹ đang âm mưu biến

Đông Dương thành thuộc địa và căn cứ chiến lược của Mỹ, thất bại của bọn tay sai đế quốc Mỹ và thực dân hiếu chiến Pháp, cam tâm bán nước cho kẻ địch bên ngoài để kiếm miếng canh cắn cơm thừa” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, tr.233).

Với thắng lợi của việc ký kết Hiệp định Gionevo, cách mạng Việt Nam đã bước sang một thời kỳ mới – thời kỳ “ra sức phấn đấu để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, tr.235).

Cố nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, cuộc đàm phán Gionevo năm 1954 có sự tham gia, toan tính, thỏa thuận lợi ích của các nước lớn phản ánh đúng “bàn cờ thế giới” sau năm 1945, nên kết quả của Hội nghị Gionevo 1954 về hòa bình ở Việt Nam nói riêng, Đông Dương nói chung chưa đáp ứng được tất cả các yêu cầu và mục tiêu của Trung ương Đảng, Chính phủ đề ra lúc ban đầu như phân chia giới tuyến, thời hạn tổng tuyển cử, vấn đề vùng tập kết của các lực lượng kháng chiến.

Để nhìn nhận một cách thấu đáo kết quả của Hiệp định Gionevo có những điểm chưa đạt như mong muốn của dân tộc ta lúc đó, nhưng Đảng ta vẫn chỉ đạo đàm phán và ký Hiệp định phải đặt trong tổng thể bối cảnh trong nước và quốc tế, cả ở thực lực trên chiến trường và so sánh lực lượng trên bàn đàm phán và với những mục tiêu, lợi ích khác nhau của các cường quốc tham gia trong Hội nghị.

Ngày 26-11-1953, trả lời phỏng vấn của báo Thụy Điển Expressen, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố:

“Cuộc chiến tranh ở Việt Nam là do Chính phủ Pháp gây ra. Nhân dân Việt Nam phải cầm vũ khí anh dũng chiến đấu bảy, tám năm nay chống kẻ xâm lược chính

để bảo vệ nền độc lập và quyền tự được sống hòa bình. Hiện nay, nếu thực dân Pháp tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược thì nhân dân Việt Nam quyết tâm tiếp tục cuộc chiến tranh ái quốc đến thắng lợi cuối cùng. Nhưng nếu Chính phủ Pháp đã rút được bài học trong cuộc chiến tranh mấy năm nay, muốn đi đến đình chiến ở Việt Nam bằng cách thương lượng và giải quyết vấn đề Việt Nam theo lối hòa bình thì nhân dân và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng tiếp ý muốn đó... Miễn là Chính phủ Pháp đình chỉ cuộc chiến tranh xâm lược thì cuộc đình chiến ở Việt Nam thực hiện. Cơ sở của việc đình chiến ở Việt Nam là Chính phủ Pháp thật thà tôn trọng nền độc lập thật sự của nước Việt Nam” (Hồ Chí Minh, 2011, tr.340).

Ngay từ trước khi ký Hiệp định Gionevơ, bằng nhãn quan chính trị nhạy bén, nhìn xa trông rộng, trong Báo cáo tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa III), ngày 15-7-1954, sau khi phân tích tình hình thế giới và trong nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra quan điểm chỉ đạo, xác định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam: “Ta phải phân biệt lợi ích trước mắt và lợi ích tương lai, lợi ích bộ phận và lợi ích toàn bộ... Những tư tưởng sai lầm có thể nảy ra như sau: tả khuynh, có người thấy thắng luôn, muốn đánh bừa, đánh đến cùng, họ chỉ thấy cây mà không thấy rừng, chỉ thấy Pháp rút mà không thấy âm mưu của chúng, chỉ thấy Pháp mà không thấy Mỹ, thiên về tác chiến, xem khinh ngoại giao” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, tr 170).

Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (mở rộng) diễn ra từ ngày 15 đến ngày 17-7-1954, nhận định: “Sau thắng lợi quân sự trên các chiến trường trong Đông Xuân 1953-1954 vừa qua, nhất là sau chiến thắng lịch sử Điện

Biên Phủ, tình thế trong nước phát triển ngày càng có lợi cho ta; địch đang gặp nhiều khó khăn lớn tuy chúng vẫn không ngừng giãy giụa,... đã đánh dấu một bước tiến rất lớn của quân và dân ta. Những thắng lợi ấy đã làm cho lực lượng so sánh giữa ta và địch biến chuyển có lợi cho ta nhưng chưa phải biến chuyển căn bản có tính chất chiến lược” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, tr 223)

Mặt khác, Đảng ta cũng chỉ rõ: “chúng ta cũng cần nhận rõ do chiến tranh trường kỳ, nhân dân ta đã phải đóng góp sức người sức của cũng nặng. Nếu chiến tranh kéo dài thì có thể sinh ra những hiện tượng mệt mỏi và khó khăn của chúng ta có thể nhiều hơn” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, tr 223).

Về tình hình quốc tế, Hội nghị nêu rõ: “Nếu đế quốc Mỹ trực tiếp tham gia chiến tranh Đông Dương thì lực lượng so sánh giữa ta và địch sẽ có thể thay đổi không có lợi cho ta” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, tr 225). Trên cơ sở phân tích tình hình mới ở trong nước và thế giới, Đảng ta chủ trương: “dùng phương pháp thương lượng để lập lại hòa bình ở Đông Dương” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, tr 225)

Trong quá trình đàm phán Hội nghị Gionevơ, các nước đồng minh của Việt Nam là Liên Xô, Trung Quốc đều theo một xu thế kết thúc cuộc chiến tranh “Trung Quốc đã lựa chọn cùng tồn tại hòa bình mà họ cho rằng chỉ có như thế mới phù hợp với lợi ích dân tộc của mình” (Phơrăngxoa Gioy, 1981, tr 110).

Tại cuộc họp trụ bị ở Matxcova của các nước Liên Xô, Trung Quốc, Việt Nam; trước khi khai mạc hội nghị Gionevơ, Chu Ân Lai đã tuyên bố: Trong trường hợp cuộc xung đột ở Đông Dương mở rộng, Chính phủ của ông ta “không thể viện trợ

thêm cho Việt Minh nữa” (Phorăngxo Gioy, 1981, tr 109). Trong những điều kiện đó, Việt Nam khó có thể làm khác; không thể một mình tiếp tục cuộc chiến đấu chống Pháp, chống Mỹ.

Sau này, tại Hội nghị ngoại giao lần thứ 3 (tháng Giêng 1964), khi phân tích bối cảnh lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của Hội nghị quốc tế Gionevơ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ:

“Sau kháng chiến, đến Hội nghị Gionevơ năm 1954, lúc đó thì ngoại giao của ta thành quốc tế rồi. Ta đã có Liên Xô, Trung Quốc và các anh em khác giúp đỡ. Lúc đó, trong nước ta thắng, nên ngoài nước cũng thắng, nó ảnh hưởng lẫn nhau. Nhưng cũng có cái khó là ở chỗ Mỹ muốn nhảy vào thay thế Pháp và không muốn ta nhận vĩ tuyến 17. Tình hình lúc đó có hòa hay đánh. Ta tranh đấu mãi từ vĩ tuyến 15 đến vĩ tuyến 16 rồi đến vĩ tuyến 17. Đến đây ta không nhượng nữa, nó phải chịu. Vì thế nay ta có miền Bắc hoàn toàn giải phóng và đang xây dựng CNXH, ít người biết đến điểm này. Hồi đó nếu ta không nhận hòa bình thì tức là mắc mưu Mỹ. Tất nhiên thắng lợi thu được cũng là do mình có Điện Biên Phủ, ngoài ra lại còn có sự giúp đỡ của các nước anh em nữa” (Học viện Quan hệ quốc tế, 1994, tr 11).

Tháng 10 năm 1998, trên cơ sở khai thác nhiều tư liệu mới và tham khảo ý kiến của nhiều đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Bộ Chính trị và Thường vụ Quân ủy Trung ương đã kết luận:

“... Hội nghị Gionevơ chỉ là một bước tạm ngừng cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc để ta củng cố thắng lợi đã giành được, chuẩn bị bước sang giai đoạn mới, giai đoạn chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam thống nhất tổ quốc. Ta ký Hiệp định Gionevơ như vậy là đúng lúc, kết thúc

kháng chiến chống Pháp như thế là phù hợp, phản ánh đúng so sánh lực lượng ta, địch trên chiến trường và hoàn cảnh quốc tế lúc đó. Vì lúc này, về phía địch, thực dân Pháp tuy thất bại lớn nhưng còn lực lượng và còn đảng sau Pháp, để quốc Mỹ đang có mưu đồ trực tiếp can thiệp vào chiến tranh Đông Dương. Còn ta lúc đó thắng to, nhưng cũng có những khó khăn mới, chưa đủ điều kiện để tiếp tục chiến tranh để giải phóng cả nước. Trên trường quốc tế, các nước anh em, trong đó có Liên Xô và Trung Quốc đều muốn có hòa bình để xây dựng đất nước và đều muốn cuộc chiến tranh ở Đông Dương đi tới một giải pháp” (Đảng ủy quân sự Trung ương, 1998).

Những phân tích trên đây cho thấy, việc đàm phán và ký Hiệp định Gionevơ là tất yếu; thể hiện khát vọng hòa bình, thiện chí muốn kết thúc cuộc chiến bằng giải pháp đàm phán; là một quyết định đúng lúc; đã được Đảng cân nhắc, tính toán kỹ lưỡng, căn cứ vào điều kiện cụ thể của cuộc kháng chiến, cũng như so sánh lực lượng giữa ta và Pháp trong cuộc chiến tranh, theo xu hướng chung giải quyết các cuộc xung đột trên thế giới bằng thương lượng. Do đó, một giải pháp thay thế cho Hiệp định Gionevơ là không thể có được, dù đó là giải pháp tiếp tục kháng chiến đến giành thắng lợi hoàn toàn hay là tiếp tục thực hiện “vừa đánh, vừa đàm”, chờ cơ hội có lợi nhất cho ta.

3. Kết luận

Hiệp định Gionevơ đánh dấu sự kết thúc một chặng đường đấu tranh lâu dài và gian khổ để đi tới độc lập, tự do của dân tộc. Ký Hiệp định Gionevơ là một thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam; là một điển hình về phương pháp biết thắng từng bước, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn.

Đã 70 năm trôi qua nhưng giá trị lịch sử, pháp lý trong đấu tranh ngoại giao,

đặc biệt bài học biết thắng từng bước trong đàm phán và ký kết Hiệp định Giơnevơ vẫn còn vẹn nguyên giá trị trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 15, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Đảng ủy quân sự Trung ương (1998), *Một số kết luận của Thường vụ Đảng ủy quân sự Trung ương*, Hà Nội.
- Học viện Quan hệ quốc tế (1994), *Bác Hồ nói về ngoại giao*, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Phơrăngxo Gioy (1981), *Trung Quốc và việc giải quyết cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ 01*, Nxb Thông Tin lý luận, Hà Nội.
- Trung tâm lưu trữ quốc gia II (2012), *Hiệp định Paris về Việt Nam năm 1973 qua tài liệu của chính quyền Sài Gòn, tập 2, Ký kết và thực thi*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.